

ĐỘNG TỪ PHỨC - MỘT PHƯƠNG PHÁP CẤU TẠO TỪ ĐỘC ĐÁO TRONG TIẾNG NHẬT

Trần Thị Chung Toàn^(*)

1. Động từ phức trong tiếng Nhật

Câu tiếng Việt: "Tôi đã nhận (được)⁽¹⁾ thư (của anh)⁽²⁾, khi dịch sang tiếng Nhật, có thể có 3 động từ tương đương với động từ "nhận" như sau:

- 1- tegami o *moratta*. (động từ đơn: *morau*);
- 2- o tegami o *itadaita* (động từ đơn *itadaku* (thuộc phạm trù kính ngữ));
- 3- o tegami o *uketotta* (động từ phức *uketoru*).

Việc lựa chọn động từ nào trong số 3 động từ trên đây là tùy thuộc vào ngữ cảnh. Trình độ tiếng Nhật càng cao thì người học càng có thể chọn ra cách nói để phù hợp nhất với ngữ cảnh và mong muốn biểu đạt của mình. Các giáo trình dạy tiếng Nhật cho người nước ngoài thường có xu hướng đưa động từ đơn *morau* (1) vào dạy ở bậc sơ cấp, *itadaku* (2) ở cuối bậc sơ cấp khi học sinh học về cách dùng kính ngữ, và động từ phức *uketoru* (3) do động từ đơn *ukeru* và *toru* kết hợp lại mà thành thì thường được đưa vào giới thiệu từ bậc trung cấp trở lên.

Vậy, tại sao lại có hiện tượng này?

Trước hết, động từ phức là những đơn vị biểu đạt mới do sự kết hợp (theo đặc trưng hình thái) của những yếu tố (chủ yếu là các động từ) vốn đang tồn tại với chúng

trong hệ thống tiếng Nhật đồng đại. Ở đây, có thể thấy rằng các động từ đơn của tiếng Nhật khi thì xuất hiện với tư cách là động từ, khi lại xuất hiện với tư cách là yếu tố (có thể xem như là các hình vị tạo từ) trong các động từ phức. Như vậy, các động từ phức là đơn vị được cấu tạo lại từ các đơn vị đã biết. Vì thế, từ phương diện truyền đạt kiến thức thì các đơn vị là từ đơn phải được giới thiệu trước, các động từ phức được đưa vào giới thiệu sau là hợp lý và có hiệu quả cao. Nhưng, thực ra, điều quan trọng hơn là động từ phức liên quan đến khả năng biểu đạt cao mà chỉ có lên các cấp học cao hơn người học mới có thể nắm bắt được. Động từ phức được sử dụng nhiều trong sách báo, văn học, trong sinh hoạt nói năng của người Nhật với một khả năng biểu đạt tinh tế và sống động mà người nước ngoài không dễ dàng lĩnh hội và sử dụng được.

Trong tiếng Nhật, động từ phức có 4 loại lớn: danh từ + động từ; tính từ + động từ; trạng từ + động từ và động từ + động từ. Trong số này, loại động từ phức gồm hai động từ kết hợp lại với nhau đặc biệt phát triển rất phong phú trong vốn từ vựng và sinh hoạt ngôn ngữ của người Nhật.

Từ các động từ đơn kết hợp lại, có rất nhiều kiểu động từ phức được hình thành.

^(*) TS., Khoa Sau đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁽¹⁾ "Nhận được" không được coi là một động từ phức trong tiếng Việt.

⁽²⁾ Trong cách biểu hiện của tiếng Nhật, "của anh" thường không hiện diện lên văn bản, còn danh từ chỉ "thư" có thể thêm O vào trước đó để biểu hiện thái độ lịch sự, trân trọng.

Về nguyên tắc, để đi đến một sự phân loại tỉ mỉ nhất, có thể nghĩ đến khoảng 16 loại trên phương diện lí thuyết, nhưng trên thực tế sử dụng chỉ có 8 loại được dùng phổ biến trong sinh hoạt ngôn ngữ của người Nhật [1]. Tuy nhiên, giới thiệu tất cả các kiểu loại của động từ phức không phải là mục đích của bài viết, nên ở đây, chúng tôi chỉ kể đến ba kiểu lớn, bao quát trong nó các kiểu loại nhỏ hơn. Có thể nêu khái quát như sau.

(1) Kiểu 1

Trong kiểu này, có những kiểu kết hợp như:

Kaki-hajimeru: (viết + bắt đầu): bắt đầu viết.

Kaki tsuzukeru: (viết + tiếp tục): tiếp tục viết.

Kaki owaru: (viết + xong): viết xong.

Ii wasureru: (nói + quên): quên nói.

Ở kiểu loại này, nếu biết được ý nghĩa của các động từ đơn làm thành phần tham gia cấu tạo thì sẽ dễ dàng đoán ra được ý nghĩa tổng thể của toàn đơn vị vì nghĩa của động từ phức là sự kết hợp lại hầu như nguyên gốc ý nghĩa của các yếu tố tham gia cấu tạo nên chúng.

(2) Kiểu 2

Có những kiểu kết hợp như sau:

Kaki-tateru: (viết + dựng lên): viết liệt kê ra tất cả / viết gây xúc động mạnh.

Kaki-orosu: (viết kéo xuống): viết chỉnh sửa lại bản thảo cũ để đem ra xuất bản lại.

Ii-tsukeru: (nói + gắn lại) ra lệnh cho cấp dưới làm gì hoặc không được làm gì / báo lại, nhắc lại (việc gì) / luôn nói, luôn nhắc nhở (một việc gì đó).

Ii-komeru: (nói + đưa vào trong): nói lấy được, bắt đối phương phải thua, cảm miệng.

Nage tsukeru: (ném + gắn lại): nhằm đúng đích, ném thật lực / ném cà chua, trừng thổi vào ai đó / tuôn ra những lời bực dọc không chịu nổi, nói cho phía kia cũng phải lên tiếng tranh cãi.

v.v...

Ở kiểu loại này, dù biết được ý nghĩa của các động từ đơn tham gia cấu tạo, cũng không dễ dàng đoán ra được ý nghĩa tổng thể của các động từ phức vì khi tham gia vào cấu trúc, một trong hai đơn vị thành tố đã ít nhiều biến nghĩa đi. Mức độ biến nghĩa tùy thuộc vào từng động từ và từng bối cảnh giao tiếp. Chính vì vậy, trong kiểu này, tùy theo mức độ biến nghĩa khác nhau, lại có thể đi đến những sự phân loại tỉ mỉ hơn.

(3) Kiểu 3

Có cả những kiểu kết hợp như:

Ochi tsuku: (rơi xuống + gắn vào): yên ổn, thanh bình, ổn định...

Tsuke-agaru: (gắn lại + lên cao): cao ngạo.

Tori-motsu: (cắm + mang, có): hoà giải, dàn hoà.

Ở đây, cả hai yếu tố tham gia cấu tạo động từ phức đều đã biến nghĩa, khác xa nghĩa gốc ban đầu của chúng. Vì vậy, dù có biết được ý nghĩa của các động từ đơn cũng không thể dựa vào đấy mà đoán ra được ý nghĩa của các động từ phức. Hầu hết các trường hợp, nghĩa của cả kết hợp là hoàn toàn khác biệt với nghĩa của các thành tố cấu tạo, vì vậy, việc nắm bắt ý nghĩa của động từ phức cũng gần giống như việc nắm bắt ý nghĩa của các động từ đơn.

2. Động từ phức trong so sánh với phương thức cấu tạo từ phức của tiếng Việt

Năm 1976, một nhà nghiên cứu người Nhật tên là Nakajima Yoshiro [4] đã so sánh kiểu cấu tạo động từ phức của tiếng Nhật với các phương thức cấu tạo từ phức trong các tiếng châu Âu hiện đại như tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Hi Lạp,... Ông cho rằng kiểu cấu tạo từ này không tìm thấy trong các ngôn ngữ châu Âu, rằng đây là một kiểu cấu tạo từ rất đặc thù riêng của tiếng Nhật mà thôi.

Vậy, khi so sánh với tiếng Việt thì sẽ có được kết quả thế nào?

Tiếng Việt cũng có một số động từ gồm hai âm tiết như: *mua bán, ăn chơi, ăn uống, đánh bóng, giết chết, chặt phăng...* và chúng cũng được coi là các động từ phức. Nhưng, khi nghiên cứu kĩ, sẽ thấy hiện tượng là: các động từ phức này chiếm một số lượng rất ít trong từ vựng, hơn nữa loại *động từ + động từ* số lượng lại càng hạn chế, không phát triển phong phú như trong tiếng Nhật. Trong tiếng Việt, thay vào cách cấu tạo động từ phức là cách kết hợp các yếu tố Hán - Việt lại với nhau như *học tập, học hành, lưu học, v.v...* Các yếu tố này khi hoạt động trong ngữ lưu, chúng có thể khi thì được dùng với vai trò là danh từ, khi thì với vai trò là động từ và cách cấu tạo từ này lại đặc biệt rất phát triển trong tiếng Việt.

Lật qua một số từ điển quốc ngữ của tiếng Việt và tiếng Nhật, chúng ta cũng thấy rõ điều này. Trong từ điển tiếng Việt do Viện Ngôn ngữ học chủ biên, sau mục động từ "nhìn", chỉ có một động từ phức là "nhìn nhận" được nêu ra, trong khi đó, ở các từ điển cổ trung tương đương trong tiếng Nhật, ở mục động từ *miru* có nghĩa

tương đương với *nhìn* xuất hiện rất nhiều các động từ phức. Các động từ này không những chỉ ra nhiều khía cạnh khác nhau của hành động *nhìn* mà còn có thể biểu hiện các ý nghĩa khác ngoài nghĩa *nhìn* nữa. Có thể nêu ra một số động từ phức như: *mi-au: nhìn nhau, cân bằng thu chi; mi-akiru: nhìn chán chê; mi-ageru: nhìn lên; mi-ataru: nhìn thấy, mi-ayamaru: nhìn sai, nhìn nhầm; mi-arawasu: nhìn ra được (bản chất, thực tế) của sự việc, sự vật; mi-awaseru: nhìn vào mặt nhau cùng hiểu ra; nghiến ngẫm kĩ lưỡng các mặt của vấn đề; hoãn ngày tiến hành lại; mi-idasu: nhìn ra được (vấn đề,...); mi-iru: nhìn say sưa, nhìn ngẩn ra; mi-ukeru: nhìn phán đoán, đoán định v.v...* Trong tư liệu của chúng tôi [1], *miru* trong tiếng Nhật có đến 26 cách kết hợp tạo động từ phức mà các ý nghĩa này không đơn giản dịch ngay ra đây đủ trong tiếng Việt. Trong quan niệm chung của giới Việt ngữ học, phần lớn các đơn vị tương ứng nghĩa này cũng không được xem là những đơn vị ở bậc từ mà phải là các bậc trên từ như cụm từ, đoản ngữ, v.v...

Jean Hoff là một nhà giáo và là nhà nghiên cứu người Mĩ nghiên cứu động từ phức. Ông đã nói rằng: "Động từ phức là một trong những bộ phận quan trọng trong vốn từ vựng tiếng Nhật. Chúng có tần số xuất hiện rất cao và đa phần trong số chúng đều được đưa vào danh sách các hạng mục trong từ điển. Hơn nữa, chúng mang lại cho tiếng Nhật những cách nói rất cụ thể và sống động. Thực tế là, đối với các sinh viên học tiếng Nhật, các động từ phức giữ vai trò hết sức quan trọng cho việc có thể nói được tiếng Nhật như người bản ngữ. Họ không thể nói gì về khả năng đó nếu như họ không sử dụng được các

động từ phức một cách thoải mái trong khi nói chuyện bằng tiếng Nhật"[2, tr.111].

Vậy, đối với người Việt học tiếng Nhật thì vấn đề này sẽ như thế nào? Trở lại với ví dụ ở đầu bài viết này, có thể có ý kiến cho rằng trước sự việc "nhận thư" ở tiếng Việt, trong tiếng Nhật có đến 3 cách nói và dù là động từ đơn hay động từ phức thì vẫn có thể biểu đạt được thực tế đó ra sao? Vâng, quả đúng có trường hợp như vậy. Nhưng cũng không phải là mọi trường hợp đều như vậy. Nói chung, động từ phức không chỉ miêu tả lại một mặt nào đó của hành động, động tác mà thường còn phụ thêm các thông tin khác trong khi miêu tả. Việc dùng động từ phức, khác với việc sử dụng động từ đơn, sẽ mang lại cho phát ngôn một khả năng biểu cảm cụ thể, chi tiết và sinh động. Lấy ví dụ với *kami-tsuku* ta thấy động từ này biểu đạt một sự việc là *con chó từ xa lao đến, cắn và gây thương tích* (cho một người nào đó), khác với động từ đơn *kamu* không có khả năng biểu thị chính xác và tỉ mỉ như vậy mà chỉ đơn thuần mô tả hành động *cắn* mà thôi. Tương tự như vậy, bằng cách này hay cách khác, bằng các kết hợp khác nhau, động từ phức miêu tả các hành động kèm theo các kết quả, miêu tả các trạng thái xảy ra của hành động, mức độ, đặc thù... của hành động. Nhờ vậy, hành động được nói đến trong động từ phức khác với nó khi với tư cách là động từ đơn và cả chính nó trong các cách dùng khác nhau của các động từ phức khác nhau. Các miêu tả của động từ đơn, dù có thay thế được vị trí của động từ phức ngay trong cùng một văn cảnh cũng sẽ làm giảm bớt các ý nghĩa miêu tả phụ thêm này.

Hơn nữa, lại có những trường hợp bắt buộc phải dùng đến động từ phức mới

biểu thị hợp lý và súc tích thực tế theo quan điểm nhìn nhận của người Nhật. Thí dụ: trước thực tế mà tiếng Việt có những cách nói như: "bán ép với khách; ném cà chua, đá, trứng thối... vào ai đó để phản đối, phỉ nhổ", khi dịch ra tiếng Nhật, chỉ cần dùng các động từ phức như "uke-tsukeru" và "nage-tsukeru" là đã có thể biểu hiện khá đầy đủ các sắc thái trong hoàn cảnh này.

Điều này dẫn đến việc: khi dịch một văn bản từ tiếng Nhật ra các thứ tiếng khác, trong đó có tiếng Việt, ngoài việc rất khó tìm được đơn vị là từ tương đương nghĩa với động từ phức, còn xảy ra hiện tượng là dù văn bản dịch cố bám sát văn bản gốc cũng có khi phải loại bỏ tính chi tiết sinh động trong miêu tả của động từ phức đi để đảm bảo nội dung chung theo phong cách của ngôn ngữ được dịch ra. Trong tiếng Việt, người dịch phải dùng đến các mệnh đề, các đoản ngữ,... tức là các đơn vị trên từ để tạo ra những biểu đạt tương ứng với các biểu đạt của động từ phức.

Sức biểu cảm của động từ phức nhiều khi còn được nhấn mạnh thêm bằng các trạng tính từ như *mattaku* (hoàn toàn... không); *umaku* (tuyệt, giỏi), *suguni* (ngay lập tức, ngay sau đó), v.v... hoặc các từ chỉ số lượng như *nan kai mo* (bao nhiêu là lần), *subete*, *zenbu* (tất cả), *nani mo ka mo* (tất cả, không trừ cái nào), hoặc các quán ngữ, thành ngữ, thành ngữ so sánh như *datto go toku* (biến nhanh như thỏ), v.v... Ngoài ra, ở một góc độ khác, khả năng biểu đạt của động từ phức còn thể hiện ở chỗ: những cái cần nhấn mạnh sẽ được miêu tả "phức" bằng ý nghĩa của các thành tố tạo ra, khi cần thì kết hợp thêm các trạng từ và các yếu tố bên ngoài từ, nhưng với những cái đã hiển nhiên, tồn tại ngầm ẩn

trong ý thức của người nói và người nghe, trong cộng đồng văn hoá của dân tộc Nhật thì lại bị ngầm ẩn đi.

Động từ phức tiếng Nhật là một hệ thống mở. Về nguyên tắc, chúng có thể tạo ra đến 16 kiểu loại kết hợp, nhưng trên thực tế, chỉ có 8 trong số chúng được sử dụng phổ biến và thường xuyên trong lời nói, trong 8 kiểu loại này lại có những kiểu loại điển hình và các động từ điển hình cho từng kiểu loại. Tính chất "mở" của hệ thống từ phức đem đến kết quả là trong lời nói, có những động từ phức sẽ là một trong số 16 kiểu loại được phân định rõ ràng, nhưng cũng có trường hợp sẽ xuất hiện các động từ nằm ở đường biên giữa các kiểu loại. Thực tế là, ngoài những động từ được đưa vào trong các từ điển, trong lời nói, dựa vào các kiểu tạo nghĩa được nhận thức, trở thành thói quen, thành cảm quan trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ, người nói có thể tạm thời tạo ra các động từ phức mới tùy theo nhu cầu biểu đạt của mình. Các động từ phức này không nhất thiết phải đưa vào từ điển, không phải do kiểu loại đặc thù mà vì tần số sử dụng không cao, mang tính chất cá nhân cho từng hoàn cảnh cụ thể. Điều này đã đem lại cho tiếng Nhật một khả năng biểu đạt tiềm tàng như hiện tượng *tách từ, chơi chữ* trong tiếng Việt, tạo ra một hệ thống động từ phức rất phong phú và linh hoạt, luôn có sức biểu đạt cao.

Phản lớn với các ngôn ngữ, con đường từ vựng phân biệt rất rõ với con đường cú pháp. Các kết hợp từ vựng có thể là theo quan hệ phân tích tính để diễn đạt các ý nghĩa ngữ pháp nhưng lúc đó các đơn vị kết hợp không còn nằm trong cấp độ là từ nữa. Chúng thuộc về cấp độ cao hơn là *cụm từ, là câu*, là các *cấu trúc* có các từ nối, các

hư từ hoặc gắn kết hoặc chen vào giữa các từ. Bản thân từ chủ yếu là các đơn vị để phản ánh các khái niệm mà thôi. Nhưng trong tiếng Nhật, các đơn vị là phức này có thể biểu đạt được những đơn vị có nghĩa tương đương trên bậc từ trong các tiếng châu Âu và cả trong tiếng Việt nữa. Một mặt, chúng có sự phân định về vị trí chức năng với các cấu trúc cú pháp khác, một mặt chúng góp phần bổ sung thêm các ý nghĩa ngữ pháp mà nhiều khi con đường ngữ pháp không thể biểu đạt được tỉ mỉ, cụ thể và cùng một lúc nhiều bình diện như động từ phức. Đó là các chức năng biểu đạt *về thể, về hướng, v.v...*

Trên phương diện cấu tạo từ đây là nét độc đáo chỉ có riêng trong tiếng Nhật.

Về mặt loại hình, có thể thấy rằng tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, các đơn vị không biến đổi hình thái trong lời nói để phục vụ cho các vai trò ngữ pháp khác nhau, mà các ý nghĩa ngữ pháp chủ yếu được tạo ra theo con đường phân tích tính. Chính đặc điểm này làm cho các động từ vốn hay đi liền nhau như *nhận được, chạy ra, v.v...* dần dần phân hoá các vai trò của mình. Hoặc một trong hai yếu tố phải hao mòn nghĩa đi để chỉ làm yếu tố phụ, hoặc chúng kết hợp chặt lại, tạo tính biểu trưng cao như *mua bán, đánh bóng, ...* để tạo từ ghép, hoặc chúng chuyển dần thành các chuỗi động từ phân tích tính trong vị trí cú pháp để biểu thị các ý nghĩa ngữ pháp phân định theo kết cấu như *đi làm, đi chơi, mời ăn xong...* Chỉ trong vị trí cú pháp được phân định mà các đơn vị tiếng Việt mới bộc lộ được vai trò của mình. Điều này dẫn đến kết quả là các động từ tiếng Việt đi liền nhau cũng thay đổi dần tính chất và chức năng, tạo nên hệ quả là các động từ vẫn vừa hoạt động như đơn vị

từ đơn lại vừa đứng trong cấu trúc tạo động từ phức như loại động từ tổng hợp không nhiều. Còn trong tiếng Nhật, sự biến đổi hình thái đã ràng buộc các đơn vị động từ lại với nhau, phân định nhau, chúng giữ cho các động từ không cần phân hoá để biểu thị vai trò ngữ pháp mà vẫn đảm bảo truyền đạt được các ý nghĩa, cả ý nghĩa từ vựng lẫn ý nghĩa ngữ pháp. Nhờ thế, loại kết hợp tạo động từ phức từ các yếu tố động từ đơn vẫn đang tồn tại trong hệ thống đồng đại mới phát triển phong phú đến như vậy.

Như vậy, trên phương diện tạo từ, giữa động từ phức tiếng Việt và động từ phức tiếng Nhật có những chỗ gặp nhau và phân biệt với nhau. Chúng phản ánh các đặc thù về loại hình và sự phát triển theo từng loại hình đã ảnh hưởng đến các con đường tạo nghĩa từ trong mỗi hệ thống. Nhưng chúng cũng phản ánh sự gắn gũi trong cách thức tạo từ giữa tiếng Việt (thuộc loại hình đơn tiết) và tiếng Nhật (thuộc loại hình chấp dính) hơn là sự khác biệt rõ ràng giữa tiếng Nhật và các thứ tiếng châu Âu khác.

3. Động từ phức và cách nắm bắt thế giới khách quan của người Nhật

Động từ phức quả là một hiện tượng đặc thù trong cấu tạo từ của tiếng Nhật. Mặc dù trong tiếng Việt cũng có cách cấu tạo từ như thế này nhưng lại hạn chế ở một số rất ít động từ cả về mặt kiểu loại lẫn số lượng đơn vị là từ. Hơn nữa, liên quan đến vấn đề này là việc đưa loại động từ phức nào vào từ điển theo thực tế ngôn ngữ và quan niệm của người Việt. Chúng ta đưa các đơn vị Hán - Việt như *học tập*, *lưu học* vào từ điển nhưng lại không thể đưa các từ như *nhìn lên*, *chạy ra*, *nhận được* vào trong từ điển như các đơn vị từ trong kho từ vựng. Như vậy thì danh sách

các từ sẽ dài lên quá mức cần thiết. Thế nhưng, các đơn vị là động từ phức như đã miêu tả ở trên lại được đưa vào trong các từ điển tiếng Nhật. Chỉ riêng điều này cũng cho ta thấy sự đặc thù của động từ phức và vai trò của chúng trong từ vựng tiếng Nhật là quan trọng đến thế nào.

Qua hệ thống động từ phức, ta cũng thấy rõ một điều là mọi hiện tượng ngôn ngữ thường xuyên gắn kết với nhau, có quan hệ nhân quả và xâu chuỗi với nhau, đặc biệt là những hiện tượng về sau bao giờ cũng phải dựa trên những cái có trước, và như vậy, chúng đem lại tính tiết kiệm tối đa cho cả hệ thống ngôn ngữ. Các động từ đơn của tiếng Nhật có thể "tháo lắp" ra một cách dễ dàng để kết hợp với nhiều yếu tố khác nhau nhằm biểu đạt những sự việc mới hoặc tạo ra những sắc thái biểu cảm khác nhau. Tính tiết kiệm là một trong những đặc trưng cơ bản của mọi hệ thống ngôn ngữ nhưng điều này có thể nói là đã được phát huy đến mức độ tối đa trong biểu hiện của động từ phức. Điều này cho thấy một trong những đặc thù văn hoá của dân tộc Nhật là luôn biết tiết kiệm, luôn khôn khéo sử dụng những cái tối thiểu để làm giàu, làm phong phú thêm kho tàng ngôn ngữ của dân tộc cũng như người Nhật đã làm giàu lên các kho tàng kinh tế văn hoá của dân tộc này.

Các quan hệ giữa hai đơn vị trong động từ phức luôn nổi lên trong nhận thức của chủ thể phát ngôn. Chúng hỗ trợ cho nhau để giúp cho việc miêu tả thế giới khách quan chi tiết, sinh động. Trên thực tế, các hiện tượng xảy ra trong thế giới khách quan thường không tách rời nhau mà hay gắn kết với nhau hoặc theo quan hệ trước sau về thời gian, hoặc theo quan hệ bao hàm trong nhau, hoặc theo quan hệ cách thức - kết quả, hoặc theo quan hệ nguyên nhân - kết quả, hoặc theo quan hệ hành

động - hướng, hoặc chúng có đặc tính gắn gũi nhau, tương hỗ và bổ sung cho nhau, v.v... Tất cả những hiện tượng này có thể nói là đã được gói ghém lại trong biểu đạt của động từ phức. Các động từ phức biểu đạt thế giới khách quan trong một cái nhìn sâu chuỗi nhiều chiều, vừa cụ thể sinh động nhưng lại vừa khái quát bao hàm lại trong một hình thức đơn vị là từ.

Rõ ràng là việc sử dụng động từ phức có liên quan đến cách nắm bắt thế giới thực tại khách quan của người Nhật. Lee O Young [3] là một nhà nghiên cứu văn hoá Nhật lâu năm cho rằng người Nhật có xu hướng thu nhỏ thế giới khách quan lại

trong tầm nắm bắt của mình. Khi nghiên cứu động từ phức tiếng Nhật ta cũng cảm nhận thấy điều này rất rõ. Nhờ vào việc miêu tả của động từ phức mà tiến trình diễn ra của hành động đã được miêu tả vừa cụ thể, chi tiết lại vừa mang tính tổng hợp, tiến trình đó được thu nhỏ lại trong dạng thức của động từ phức nhưng lại được khắc hoạ lại rất sống động đối với cả người nói và người nghe. Ở đây, khi nghiên cứu về động từ phức và các hiện tượng ngôn ngữ khác ta có thể tìm thấy không chỉ là những cái độc đáo về ngôn ngữ mà còn có thể hiểu thêm được nhiều điều lí thú cả về văn hoá Nhật nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Chung Toàn, *Động từ phức tiếng Nhật với các đơn vị tạo nghĩa tương đương trong tiếng Nhật*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2002.
2. Jean Hoff, Tagashira Yoshiko, *Sổ tay hướng dẫn cách sử dụng động từ phức hợp tiếng Nhật*, NXB Hokusedou shoten, Tokyo, 1986.
3. Lee O Young, *Người Nhật Bản với chí hướng thu nhỏ*, (Bản dịch tiếng Việt của TS. Hồ Hoàng Hoa), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
4. Nagashima Yoshirou, *Cấu tạo của động từ phức hợp. Tập bài giảng về tiếng Nhật, quyển 4, Từ vựng biểu hiện của tiếng Nhật*, NXB Taishukan, Tokyo, 1976.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XIX, N.4, 2003

COMPOUND VERBS AS PRODUCTS OF A UNIQUE WAY OF WORD - FORMATION IN JAPANESE LANGUAGE

Dr. Tran Thi Chung Toan

Faculty of Graduate Studies - VNU

The paper presents distinctive features of Japanese compound verbs. The uniqueness of formation is seen in the simultaneous use of currently functioning simple verbs to form compounds with new capacity of expression. According to Japanese linguists, this kind of word - formation is not found in contemporary European languages. Concerning Vietnamese compound verbs "dong tu ghep", there is a subcategory called "dong tu tong hop" (synthesized verbs) which are formed in a similar manner. Compared to Japanese compound verbs, "dong tu ghep" are fewer in quantity and especially in variety. Their word - formation is not as productive, varied and open as for Japanese ones. The latter consist of 16 types in theory. However, only 8 types are frequent in language usage. In Vietnamese, units capable of rendering meanings of Japanese compounds should not be compound or single verbs, but units of higher levels, such as phrases, clauses, or sentences.